TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Bà Trần Ngọc Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà LKN, sinh năm 1991; thường trú: 611 ấp TBT, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT; tạm trú: 1/65A khu phố HL2, phường TG, thành phố TA, tỉnh BD, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông MHT, sinh năm 1990; thường trú: Ấp T, xã ĐP, huyện CL, tỉnh TV; tạm trú: 1/65A khu phố HL2, phường TG, thành phố TA, tỉnh BD, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2021, bản tự khai ngày 24/01/2022 nguyên đơn bà Lê Kim Ngân trình bày:

Bà LKN và ông HMT tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 30/8/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, ông T có hành vi đe dọa dùng dây chích điện giết bà, nhờ sự can ngăn của hàng xóm nên bà đã trốn đi không để ông T tìm được từ ngày 15/10/2021 đến nay, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với ông HMT.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

- Bị đơn ông HMT không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Ly hôn".

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông HMT có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ 1/65A khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- bà LKN có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông HMT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà LKN và ông HMT đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 30/8/2017, do đó quan hệ hôn nhân của bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T với lý do: Tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, ông T có hành vi đe dọa dùng dây chích điện giết bà, nhờ sự can ngăn của hàng xóm nên bà đã trốn đi không để ông T tìm

được từ ngày 15/10/2021 đến nay, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông bà tại nơi cư trú, tuy nhiên địa phương không rõ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Ông T đã được tòa án triệu tập hợp lệ để không tham gia tố tụng nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà N, ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà N, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N trình bày ông bà không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà LKN về việc "Ly hôn" với ông HMT

- Về quan hệ hôn nhân: Bà LKN được ly hôn với ông HMT.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà LKN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001938 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm